

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

---

Hà Nội, tháng 08 năm 2026

**MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                                         | <b>TRANG</b> |
|---------------------------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC      | 2 - 3        |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ       | 4 - 5        |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ                | 6 - 8        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ                  | 9 - 10       |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ                 | 11 - 12      |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ | 13           |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ              | 14 - 32      |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH**

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

|                            |              |                            |
|----------------------------|--------------|----------------------------|
| Bà Trần Mỹ Linh            | Chủ tịch     |                            |
| Ông Lê Đình Dương          | Phó Chủ tịch |                            |
| Ông Trịnh Thanh Giảng      | Thành viên   |                            |
| Ông Lê Xuân Tùng           | Thành viên   |                            |
| Ông Nguyễn Phan Trung Kiên | Thành viên   |                            |
| Ông Nguyễn Minh Sơn        | Thành viên   |                            |
| Ông Lương Vũ An Bình       | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026   |
| Ông Vũ Ngọc Tuấn           | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026   |
| Ông Lê Trí Dũng            | Thành viên   | Miễn nhiệm ngày 12/06/2026 |

##### **Ban Tổng Giám đốc**

|                            |                   |
|----------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Phan Trung Kiên | Tổng Giám đốc     |
| Ông Lê Tiến Dũng           | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Mỹ Linh            | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bé Công Sơn            | Phó Tổng Giám đốc |

##### **Ban Kiểm soát**

|                         |                                          |                            |
|-------------------------|------------------------------------------|----------------------------|
| Bà Ngô Thị Bích Vân     | Trưởng ban                               | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026   |
| Bà Nguyễn Thị Thu Dung  | Trưởng ban                               | Miễn nhiệm ngày 12/06/2026 |
| Bà Nguyễn Thị Loan      | Trưởng ban kiểm soát<br>nội bộ, tuân thủ |                            |
| Ông Đoàn Đức Giang      | Thành viên                               | Miễn nhiệm ngày 12/06/2026 |
| Ông Trương Duy Phong    | Thành viên                               | Miễn nhiệm ngày 12/06/2026 |
| Bà Phạm Thu Trang       | Thành viên                               | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026   |
| Bà Nguyễn Thị Hương Trà | Thành viên                               | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026   |

##### **Kế toán trưởng**

Bà Đào Thu Thủy

##### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Số: 913/2026/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/08/2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới thuyết minh số 23- Vấn đề khác tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) số 01/2026/NQĐHĐCĐ-HBS ngày 12/6/2026, Đại hội đồng Cổ đông thông qua Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông thông qua kết quả bóc tách hành vi chuyển dịch dòng tiền giai đoạn từ năm 2021 đến ngày 30/6/2025 trên 23 tài khoản tổng (mở tại 04 Ngân hàng thương mại) cùng 747 tài khoản cá nhân phát sinh từ ngày 04/01/2021 đến ngày 30/06/2025 với tổng giá trị 10.408.899.634.421 đồng. Kết quả còn lại trên hệ thống hiện nay bao gồm 481 tài khoản cá nhân với 10.220.686 cổ phiếu thuộc 501 mã chứng khoán; giá trị danh mục theo giá thị trường tại ngày 11/6/2026 là khoảng 91,65 tỷ đồng. Cũng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 21/2025/BB-HBS ngày 28/10/2025: Hội đồng sáng lập và Hội đồng Quản trị Công ty yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục phong tỏa số dư chứng khoán cho đến khi có kết luận của Cơ quan bảo vệ pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển dịch chứng khoán và mua bán, giao dịch liên quan đến số lượng cổ phiếu này.
- Tại ngày 30/6/2026, Công ty cho rằng Công ty không còn số dư chứng khoán, không còn tiền của Nhà đầu tư, toàn bộ tiền gửi tại các tài khoản Ngân hàng đều là tiền thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, do danh mục chứng khoán nêu trên vẫn thuộc diện rà soát đặc biệt, đang bị phong tỏa và đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện lập hồ sơ, có văn bản báo cáo chính thức gửi Bộ Tài Chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với kết quả rà soát dòng tiền vào và dòng tiền ra chỉ ra trên 23 tài khoản tổng để có phương án xử lý phù hợp. Đến thời điểm lập Báo cáo này vẫn chưa có kết luận của các Cơ quan liên quan về việc xử lý các vấn đề nêu trên.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng các vấn đề nêu trên phát sinh từ các hành vi do một số cá nhân, lãnh đạo Công ty trước đây thực hiện và các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có), nên không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh trên.



**Phạm Thị Ngọc Thơ**  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5354-2026-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026*

| TÀI SẢN                                         | Mã số        | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND      | 01/01/2026<br>VND      |
|-------------------------------------------------|--------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b>   |             | <b>332.552.166.305</b> | <b>330.311.836.327</b> |
| <b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>                        | <b>110</b>   |             | <b>332.228.541.302</b> | <b>330.311.836.327</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền              | 111          | 5           | 18.413.935.851         | 19.772.570.876         |
| <i>Tiền</i>                                     | <i>111.1</i> |             | <i>18.413.935.851</i>  | <i>19.772.570.876</i>  |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 113          | 6           | 309.525.900.000        | 306.300.000.000        |
| Trả trước cho người bán                         | 118          | 7           | 49.440.000             | -                      |
| Các khoản phải thu khác                         | 122          | 7           | 4.239.265.451          | 4.239.265.451          |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>                    | <b>130</b>   |             | <b>323.625.003</b>     | <b>-</b>               |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                      | 133          |             | 323.625.003            | -                      |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                          | <b>200</b>   |             | <b>45.149.024.527</b>  | <b>46.125.134.575</b>  |
| <b>Tài sản tài chính dài hạn</b>                | <b>210</b>   | <b>8</b>    | <b>8.376.160.000</b>   | <b>8.376.160.000</b>   |
| Các khoản đầu tư                                | 212          |             | 8.376.160.000          | 8.376.160.000          |
| <i>Đầu tư dài hạn khác</i>                      | <i>212.4</i> |             | <i>8.376.160.000</i>   | <i>8.376.160.000</i>   |
| <b>Tài sản cố định</b>                          | <b>220</b>   |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| Tài sản cố định hữu hình                        | 221          | 9           | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 222          |             | 18.431.251.607         | 18.431.251.607         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223a         |             | (18.431.251.607)       | (18.431.251.607)       |
| Tài sản cố định vô hình                         | 227          | 10          | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228          |             | 20.849.916.470         | 20.849.916.470         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229a         |             | (20.849.916.470)       | (20.849.916.470)       |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                      | <b>230</b>   | <b>11</b>   | <b>25.902.411.012</b>  | <b>26.878.521.060</b>  |
| - Nguyên giá                                    | 231          |             | 76.868.886.130         | 76.868.886.130         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232a         |             | (50.966.475.118)       | (49.990.365.070)       |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                     | <b>250</b>   |             | <b>10.870.453.515</b>  | <b>10.870.453.515</b>  |
| Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán                  | 254          | 12          | 10.870.453.515         | 10.870.453.515         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b>   |             | <b>377.701.190.832</b> | <b>376.436.970.902</b> |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026*

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND      | 01/01/2026<br>VND      |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             | <b>300</b> |             | <b>23.855.974.020</b>  | <b>29.943.892.888</b>  |
| <b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>                    | <b>310</b> |             | <b>23.368.017.992</b>  | <b>29.943.892.888</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                    | 320        |             | 571.896.958            | -                      |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 322        |             | 1.919.396.676          | 1.183.402.803          |
| Phải trả người lao động                        | 323        |             | 456.796.959            | -                      |
| Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên         | 324        |             | 52.265.566             | -                      |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                      | 325        |             | 47.718.486             | -                      |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn     | 329        | 13          | 20.319.943.347         | 28.760.490.085         |
| <b>Nợ phải trả dài hạn</b>                     | <b>340</b> |             | <b>487.956.028</b>     | <b>-</b>               |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn      | 353        | 13          | 487.956.028            | -                      |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          | <b>400</b> | <b>14</b>   | <b>353.845.216.812</b> | <b>346.493.078.014</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                          | <b>410</b> |             | <b>353.845.216.812</b> | <b>346.493.078.014</b> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                      | 411        |             | 329.999.800.000        | 329.999.800.000        |
| Vốn góp của chủ sở hữu                         | 411.1      |             | 329.999.800.000        | 329.999.800.000        |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết         | 411.1a     |             | 329.999.800.000        | 329.999.800.000        |
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                 | 414        |             | 5.879.833.400          | 5.879.833.400          |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ     | 415        |             | 5.879.833.400          | 5.879.833.400          |
| Lợi nhuận chưa phân phối                       | 417        |             | 12.085.750.012         | 4.733.611.214          |
| Lợi nhuận đã thực hiện                         | 417.1      |             | 12.085.750.012         | 4.733.611.214          |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> | <b>440</b> |             | <b>377.701.190.832</b> | <b>376.436.970.902</b> |



Đào Thu Thủy  
Người lập biểu



Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND | 01/01/2026<br>VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                                        |       |             |                   |                   |
| Cổ phiếu đang lưu hành                                                                         | 006   |             | 32.999.980        | 32.999.980        |
| <b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                 |       |             |                   |                   |
| Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư                                                        | 023   |             |                   |                   |
| Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư                                              | 025   |             |                   |                   |
| Tiền gửi của khách hàng                                                                        | 026   |             |                   |                   |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                 | 027   |             |                   |                   |
| Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý            | 031   |             |                   |                   |
| Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 |             |                   |                   |
| Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 |             |                   |                   |

**Đào Thu Thủy**  
Người lập biểu

**Đào Thu Thủy**  
Kế toán trưởng



**Trần Mỹ Linh**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2026*

| Chỉ tiêu                                                                | Mã số     | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2026<br>đến ngày 30/06/2026 | Từ ngày 01/01/2025<br>đến ngày 30/06/2025 |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                                                         |           |             | VND                                       | VND                                       |
| <b>Doanh thu hoạt động</b>                                              |           |             |                                           |                                           |
| Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ                  | 01        |             | -                                         | 2.091.521.210                             |
| <i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>         | 01.2      |             | -                                         | 2.091.442.710                             |
| <i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>            | 01.3      |             | -                                         | 78.500                                    |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)                  | 02        |             | -                                         | 6.578.412.677                             |
| Doanh thu môi giới chứng khoán                                          | 06        |             | -                                         | 142.376.193                               |
| Thu nhập hoạt động khác                                                 | 11        |             | -                                         | 6.226.043.788                             |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>                                         | <b>20</b> |             | -                                         | <b>15.038.353.868</b>                     |
| <b>Chi phí hoạt động</b>                                                |           |             |                                           |                                           |
| Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)              | 21        |             | -                                         | 650.100                                   |
| <i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>                      | 21.2      |             | -                                         | 650.100                                   |
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán                                  | 27        |             | -                                         | 2.407.323.772                             |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                                    | 30        | 16          | 397.391.407                               | 98.660.918                                |
| <b>Cộng chi phí hoạt động</b>                                           | <b>40</b> |             | <b>397.391.407</b>                        | <b>2.506.634.790</b>                      |
| <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>                                    |           |             |                                           |                                           |
| Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ | 42        | 15          | 9.936.564.031                             | 141.346.147                               |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>                               | <b>50</b> |             | <b>9.936.564.031</b>                      | <b>141.346.147</b>                        |
| <b>Chi phí quản lý công ty chứng khoán</b>                              | <b>62</b> | <b>17</b>   | <b>6.883.815.499</b>                      | <b>5.383.405.909</b>                      |
| <b>Kết quả hoạt động</b>                                                | <b>70</b> |             | <b>2.655.357.125</b>                      | <b>7.289.659.316</b>                      |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2026

| Chỉ tiêu                                    | Mã số      | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2026<br>đến ngày 30/06/2026 | Từ ngày 01/01/2025<br>đến ngày 30/06/2025 |
|---------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |            |             | VND                                       | VND                                       |
| <b>Thu nhập khác và chi phí khác</b>        |            |             |                                           |                                           |
| Thu nhập khác                               | 71         | 18          | 6.556.584.880                             | 2                                         |
| Chi phí khác                                | 72         |             | 21.768.507                                | 21.905.228                                |
| <b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>          | <b>80</b>  |             | <b>6.534.816.373</b>                      | <b>(21.905.226)</b>                       |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>    | <b>90</b>  |             | <b>9.190.173.498</b>                      | <b>7.267.754.090</b>                      |
| Lợi nhuận đã thực hiện                      | 91         |             | 9.190.173.498                             | 5.176.961.480                             |
| Lợi nhuận chưa thực hiện                    | 92         |             | -                                         | 2.090.792.610                             |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>1.838.034.700</b>                      | <b>1.530.678.068</b>                      |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                 | 100.1      |             | 1.838.034.700                             | 1.112.519.546                             |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                  | 100.2      |             | -                                         | 418.158.522                               |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN</b> | <b>200</b> |             | <b>7.352.138.798</b>                      | <b>5.737.076.022</b>                      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)  | 501        | 19          | 223                                       | 174                                       |



**Đào Thu Thủy**  
Người lập biểu



**Đào Thu Thủy**  
Kế toán trưởng



**Trần Mỹ Linh**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

*Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2026*

| Chỉ tiêu                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2026<br>đến ngày 30/06/2026<br>VND | Từ ngày 01/01/2025<br>đến ngày 30/06/2025<br>VND |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                  |           |             |                                                  |                                                  |
| Tiền đã chi mua các tài sản tài chính                                           | 01        |             | (2.000.000.000)                                  | (298.300.000.000)                                |
| Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính                                        | 02        |             | 2.500.000.000                                    | 300.416.116.942                                  |
| Cổ tức đã nhận                                                                  | 04        |             | -                                                | 115.086.727                                      |
| Tiền lãi đã thu                                                                 | 05        |             | 6.656.522.920                                    | 4.532.896.066                                    |
| Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK                                  | 07        |             | (705.979.407)                                    | (89.018.434)                                     |
| Tiền chi trả cho người lao động                                                 | 08        |             | (3.850.960.639)                                  | (3.311.217.073)                                  |
| Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK                                  | 09        |             | (1.144.264.812)                                  | (1.930.039.894)                                  |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                           | 11        |             | 510.956.028                                      | 3.018.094.233                                    |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                          | 12        |             | (9.435.635.106)                                  | (3.517.534.929)                                  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>(7.469.361.016)</b>                           | <b>934.383.638</b>                               |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                      |           |             |                                                  |                                                  |
| Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 25        |             | 6.110.725.991                                    | 600.658.514                                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>6.110.725.991</b>                             | <b>600.658.514</b>                               |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                   |           |             |                                                  |                                                  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                         | 36        |             | -                                                | -                                                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                             | <b>40</b> |             | <b>-</b>                                         | <b>-</b>                                         |
| <b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>                                            | <b>50</b> |             | <b>(1.358.635.025)</b>                           | <b>1.535.042.152</b>                             |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>                                | <b>60</b> |             | <b>19.772.570.876</b>                            | <b>12.774.448.934</b>                            |
| <b>Tiền</b>                                                                     | <b>61</b> |             | <b>19.772.570.876</b>                            | <b>12.774.448.934</b>                            |
| <b>Các khoản tương đương tiền</b>                                               | <b>62</b> |             | <b>-</b>                                         | <b>-</b>                                         |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>                               | <b>70</b> | <b>5</b>    | <b>18.413.935.851</b>                            | <b>14.309.491.086</b>                            |
| <b>Tiền</b>                                                                     | <b>71</b> | <b>5</b>    | <b>18.413.935.851</b>                            | <b>5.665.266.916</b>                             |
| <b>Các khoản tương đương tiền</b>                                               | <b>72</b> | <b>5</b>    | <b>-</b>                                         | <b>8.644.224.170</b>                             |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

*Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2026*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| Chi tiêu                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2026<br>đến ngày 30/06/2026 | Từ ngày 01/01/2025<br>đến ngày 30/06/2025 |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                                                                  |       |             | VND                                       | VND                                       |
| Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng                       |       |             |                                           |                                           |
| Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                                 | 01    |             |                                           | 42.700.999.480                            |
| Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                                 | 02    |             |                                           | (37.815.698.900)                          |
| Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                 | 07    |             |                                           | (23.239.652.772)                          |
| Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                       | 15    |             |                                           | (154.742.447)                             |
| Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ                                                    | 20    |             |                                           | (18.509.094.639)                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng                         | 30    |             |                                           | 38.322.840.669                            |
| Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:                                                       | 31    |             |                                           | 38.322.840.669                            |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 32    |             |                                           | 38.322.840.669                            |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng                        | 40    |             |                                           | 19.813.746.030                            |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:                                                      | 41    |             |                                           | 19.813.746.030                            |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 42    |             |                                           | 19.813.746.030                            |

Đào Thu Thủy  
Người lập biểu

Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2026

| Chi tiêu                          | Số dư đầu kỳ    |                 | Số tăng/giảm  |                  | Số dư cuối kỳ   |                 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|------------------|-----------------|-----------------|
|                                   | Tại 01/01/2026  |                 | Kỳ trước      |                  | Tại 30/06/2025  |                 |
|                                   | VND             | VND             | Tăng<br>VND   | Giảm<br>VND      | VND             | VND             |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 329.999.800.000 | 329.999.800.000 | -             | -                | 329.999.800.000 | 329.999.800.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền     | 329.999.800.000 | 329.999.800.000 | -             | -                | 329.999.800.000 | 329.999.800.000 |
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ    | 5.879.833.400   | 5.879.833.400   | -             | -                | 5.879.833.400   | 5.879.833.400   |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro  | 5.879.833.400   | 5.879.833.400   | -             | -                | 5.879.833.400   | 5.879.833.400   |
| Lợi nhuận chưa phân phối          | 21.084.981.349  | 4.733.611.214   | 5.737.076.022 | (19.799.988.000) | 7.022.069.371   | 12.085.750.012  |
| - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 20.339.383.956  | 4.733.611.214   | 3.929.503.954 | (19.799.988.000) | 4.468.899.910   | 12.085.750.012  |
| - Lợi nhuận chưa thực hiện        | 745.597.393     | -               | 1.807.572.068 | -                | 2.553.169.461   | -               |
| Cộng                              | 362.844.448.149 | 346.493.078.014 | 5.737.076.022 | (19.799.988.000) | 348.781.536.171 | 353.845.216.812 |

*Signature*

Đào Thu Thủy  
Người lập biểu

*Signature*

Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 082/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/09/2025 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép hoạt động là 329.999.800.000 VND, tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 27 người (tại ngày 01/01/2026 là 29 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

| Tên đơn vị                           | Nơi thành lập và hoạt động                                                   |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hòa Bình | Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh      | 246 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            |

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Hoạt động chính**

Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

**Hạn chế vay nợ**

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:
  - Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi;
  - Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
  - Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

**Hạn chế cho vay**

Thực hiện theo điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định nêu trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

**Hạn chế đầu tư (tiếp)**

- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD**

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

|                     | Số năm khấu hao |
|---------------------|-----------------|
| Máy móc, thiết bị   | 03 - 06         |
| Phương tiện vận tải | 06              |
| Thiết bị quản lý    | 03 - 06         |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian 03 năm.

**Bất động sản đầu tư và khấu hao**

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Nhà cửa

Số năm khấu hao

26,4

**Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

**Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán đánh giá lại khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ phải trả lại bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Trường hợp nhận thế chấp, cầm cố bằng hiện vật thì không được phản ánh trên báo cáo tình hình tài chính mà được theo dõi trên thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí trả trước tiền nhà và trả trước các dịch vụ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian được quy định trong từng hợp đồng.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

**Doanh thu**

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Thu nhập hoạt động khác:**

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Là Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                        | 30/06/2026            | 01/01/2026            |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                        | VND                   | VND                   |
| Tiền gửi ngân hàng (*) | 18.413.935.851        | 19.772.570.876        |
| <b>Cộng</b>            | <b>18.413.935.851</b> | <b>19.772.570.876</b> |

(\*) Công ty xác nhận rằng tại thời điểm 30/06/2026, Công ty không còn số dư tiền của Nhà đầu tư, toàn bộ tiền tồn tại các tài khoản Ngân hàng đều là tiền của Công ty sở hữu.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)**

|                                        | 30/06/2026             | 01/01/2026             |
|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                        | VND                    | VND                    |
| - Tiền gửi có kỳ hạn 06 - 12 tháng (*) | 309.525.900.000        | 306.300.000.000        |
|                                        | <b>309.525.900.000</b> | <b>306.300.000.000</b> |

(\*) Tại 30/06/2026: Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn 6 -12 tháng, lãi suất từ 7,2%/năm đến 7,5%/năm.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

|                                                                             | 30/06/2026           | 01/01/2026           |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                             | VND                  | VND                  |
| Trả trước cho người bán                                                     | 49.440.000           | -                    |
| - Trả trước cho người bán khác                                              | 49.440.000           | -                    |
| <b>Phải thu khác</b>                                                        | <b>4.239.265.451</b> | <b>4.239.265.451</b> |
| - Ông Bé Công Sơn                                                           | 2.295.265.451        | 2.295.265.451        |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex hỗ trợ phí dịch vụ mua ngoài | 1.944.000.000        | 1.944.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>4.288.705.451</b> | <b>4.239.265.451</b> |
| <b>Phải thu là các bên liên quan</b>                                        | <b>4.239.265.451</b> | <b>4.239.265.451</b> |

(Chi tiết tại thuyết minh số 21)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|                                                | 30/06/2026           |          | 01/01/2026           |          |
|------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                | Giá trị ghi sổ       | Dự phòng | Giá trị ghi sổ       | Dự phòng |
| <b>Đầu tư dài hạn khác (*)</b>                 |                      |          |                      |          |
| - Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình | 2.940.000.000        | -        | 2.940.000.000        | -        |
| - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế          | 5.436.160.000        | -        | 5.436.160.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>8.376.160.000</b> | <b>-</b> | <b>8.376.160.000</b> | <b>-</b> |

| Tên Công ty                         | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------|----------------------------|
| Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế      | TP.Hà Nội                  | 9,92%         | 9,92%            | Quản lý đầu tư chứng khoán |
| Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình | TP.Hồ Chí Minh             | 49%           | 49%              | Bất động sản               |

(\*) Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                        | Máy móc, thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị quản lý<br>VND | Cộng<br>VND    |
|------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-------------------------|----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                          |                                        |                         |                |
| 01/01/2026             | 15.448.572.207           | 1.668.011.901                          | 1.314.667.499           | 18.431.251.607 |
| 30/06/2026             | 15.448.572.207           | 1.668.011.901                          | 1.314.667.499           | 18.431.251.607 |
| <b>HAO MÒN LUYẾT</b>   |                          |                                        |                         |                |
| 01/01/2026             | 15.448.572.207           | 1.668.011.901                          | 1.314.667.499           | 18.431.251.607 |
| 30/06/2026             | 15.448.572.207           | 1.668.011.901                          | 1.314.667.499           | 18.431.251.607 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                          |                                        |                         |                |
| 01/01/2026             | -                        | -                                      | -                       | -              |
| 30/06/2026             | -                        | -                                      | -                       | -              |

Tại ngày 30/06/2026, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 18.431.251.607 VND (tại ngày 01/01/2026 là 18.431.251.607 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                         | Phần mềm<br>máy tính | TSCĐ vô hình<br>khác | Cộng           |
|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------|
|                         | VND                  | VND                  | VND            |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>       |                      |                      |                |
| 01/01/2026              | 20.062.361.650       | 787.554.820          | 20.849.916.470 |
| 30/06/2026              | 20.062.361.650       | 787.554.820          | 20.849.916.470 |
| <b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b> |                      |                      |                |
| 01/01/2026              | 20.062.361.650       | 787.554.820          | 20.849.916.470 |
| 30/06/2026              | 20.062.361.650       | 787.554.820          | 20.849.916.470 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>  |                      |                      |                |
| 01/01/2026              | -                    | -                    | -              |
| 30/06/2026              | -                    | -                    | -              |

Tại ngày 30/06/2026, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 20.849.916.470 VND (tại ngày 01/01/2026 là 20.849.916.470 VND).

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

|                         | Quyền sử dụng<br>đất (*) | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Cộng           |
|-------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------|
|                         | VND                      | VND                       | VND            |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>       |                          |                           |                |
| 01/01/2026              | 51.538.610.342           | 25.330.275.788            | 76.868.886.130 |
| 30/06/2026              | 51.538.610.342           | 25.330.275.788            | 76.868.886.130 |
| <b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b> |                          |                           |                |
| 01/01/2026              | 24.660.089.282           | 25.330.275.788            | 49.990.365.070 |
| Khấu hao trong kỳ       | 976.110.048              | -                         | 976.110.048    |
| 30/06/2026              | 25.636.199.330           | 25.330.275.788            | 50.966.475.118 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>  |                          |                           |                |
| 01/01/2026              | 26.878.521.060           | -                         | 26.878.521.060 |
| 30/06/2026              | 25.902.411.012           | -                         | 25.902.411.012 |

(\*) Liên quan đến Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex số 022/2009/HĐ-VM-HBS ngày 02/02/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHD ngày 01/08/2024 về việc quản lý khai thác quyết toán giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("HBS") và Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex ("VMD"):

- **Mục tiêu:** Xây dựng Cao ốc văn phòng Vimedimex tại 246 Công Quỳnh, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)**

- **Phân chia quyền lợi:**
- + *VMD được quyền sở hữu 48% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 3.711,36 m<sup>2</sup> của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng.*
- + *HBS được quyền sở hữu 52% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 4.020,64 m<sup>2</sup> của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng tính đến hết thời hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 109010 do Sở tài nguyên và môi trường TP. HCM cấp ngày 24/03/2008.*
- Hai bên cùng thành lập Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình để quản lý và khai thác Cao ốc theo Luật doanh nghiệp.

**12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

|                           | 30/06/2026            | 01/01/2026            |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                           | VND                   | VND                   |
| Tiền nộp ban đầu          | 120.000.000           | 120.000.000           |
| Tiền nộp bổ sung          | 5.773.057.935         | 5.773.057.935         |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm | 4.977.395.580         | 4.977.395.580         |
| <b>Cộng</b>               | <b>10.870.453.515</b> | <b>10.870.453.515</b> |

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

|                                         | 30/06/2026            | 01/01/2026            |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                         | VND                   | VND                   |
| <b>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b> | <b>20.319.943.347</b> | <b>28.760.490.085</b> |
| - Phải trả ngắn hạn khác                | 20.319.943.347        | 28.760.490.085        |
| <b>Các khoản phải trả dài hạn khác</b>  | <b>487.956.028</b>    | -                     |
| - Phải trả dài hạn khác                 | 487.956.028           | -                     |
| <b>Cộng</b>                             | <b>20.807.899.375</b> | <b>28.760.490.085</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục        | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu<br>VND | Quỹ dự trữ bổ sung<br>vốn điều lệ<br>VND | Quỹ dự phòng tài chính<br>và rủi ro nghiệp vụ<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------|
|                  |                                     |                                          |                                                      |                                             |                  |
| 01/01/2025       | 329.999.800.000                     | 5.879.833.400                            | 5.879.833.400                                        | 21.084.981.349                              | 362.844.448.149  |
| - Lãi trong năm  | -                                   | -                                        | -                                                    | 4.733.611.214                               | 4.733.611.214    |
| - Giảm trong năm | -                                   | -                                        | -                                                    | (21.084.981.349)                            | (21.084.981.349) |
| 31/12/2025       | 329.999.800.000                     | 5.879.833.400                            | 5.879.833.400                                        | 4.733.611.214                               | 346.493.078.014  |
| 01/01/2026       | 329.999.800.000                     | 5.879.833.400                            | 5.879.833.400                                        | 4.733.611.214                               | 346.493.078.014  |
| - Lãi trong kỳ   | -                                   | -                                        | -                                                    | 7.352.138.798                               | 7.352.138.798    |
| 30/06/2026       | 329.999.800.000                     | 5.879.833.400                            | 5.879.833.400                                        | 12.085.750.012                              | 353.845.216.812  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**14.2 CHI TIẾT VỀ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

| Cổ đông                                           | Tại 30/06/2026         |                | Tại 01/01/2026         |                |
|---------------------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|                                                   | Số vốn thực góp<br>VND | Tỷ lệ<br>%     | Số vốn thực góp<br>VND | Tỷ lệ<br>%     |
| - Ông Nguyễn Phan Trung Kiên                      | 80.000.100.000         | 24,24%         | 80.000.100.000         | 24,24%         |
| - Ông Lê Đình Dương                               | 65.064.550.000         | 19,72%         | 65.064.550.000         | 19,72%         |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn<br>Dược phẩm Vimedimex | 58.000.000.000         | 17,58%         | 58.000.000.000         | 17,58%         |
| - Ông Bế Công Sơn                                 | 43.000.000.000         | 13,03%         | 43.000.000.000         | 13,03%         |
| - Các cổ đông khác                                | 83.935.150.000         | 25,43%         | 83.935.150.000         | 25,43%         |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>329.999.800.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>329.999.800.000</b> | <b>100,00%</b> |

**14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

|                                    | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| - <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                                        |                                        |
| + Vốn góp đầu kỳ                   | 329.999.800.000                        | 329.999.800.000                        |
| + Vốn góp cuối kỳ                  | 329.999.800.000                        | 329.999.800.000                        |

**14.4 TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

|                                          | 30/06/2026<br>Cổ phiếu | 01/01/2026<br>Cổ phiếu |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 32.999.980             | 32.999.980             |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 32.999.980             | 32.999.980             |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 32.999.980             | 32.999.980             |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -                      | -                      |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                      | -                      |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 32.999.980             | 32.999.980             |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 32.999.980             | 32.999.980             |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -                      | -                      |
| * Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)       | 10.000                 | 10.000                 |

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                      | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|--------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 9.936.564.031                          | 141.346.147                            |
| <b>Cộng</b>                          | <b>9.936.564.031</b>                   | <b>141.346.147</b>                     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                        | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026 | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025 |
|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                        | VND                             | VND                             |
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | -                               | 2.407.323.772                   |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   | 397.391.407                     | 98.660.918                      |
| <b>Cộng</b>                            | <b>397.391.407</b>              | <b>2.505.984.690</b>            |

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

|                                            | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026 | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025 |
|--------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                            | VND                             | VND                             |
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương | 4.391.556.649                   | 3.112.966.873                   |
| Chi phí vật tư văn phòng                   | 69.575.339                      | 26.197.359                      |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                      | 976.110.048                     | -                               |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí                | 1.023.000                       | 15.716.790                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                  | 642.556.244                     | 2.052.034.032                   |
| Chi phí bằng tiền khác                     | 802.994.219                     | 176.490.855                     |
| <b>Cộng</b>                                | <b>6.883.815.499</b>            | <b>5.383.405.909</b>            |

**18. THU NHẬP KHÁC**

|               | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026 | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025 |
|---------------|---------------------------------|---------------------------------|
|               | VND                             | VND                             |
| Thu nhập khác | 6.556.584.880                   | 2                               |
| <b>Cộng</b>   | <b>6.556.584.880</b>            | <b>2</b>                        |

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                                 | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026 | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025 |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)   | 7.352.138.798                   | 5.737.076.022                   |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)   | 7.352.138.798                   | 5.737.076.022                   |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) | 32.999.980                      | 32.999.980                      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                        | <b>223</b>                      | <b>174</b>                      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

| <b>Bên liên quan</b>                           | <b>Mối quan hệ</b>                                           |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế          | Bên liên quan với Chủ tịch/ thành viên HĐQT                  |
| - Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình          | Công ty liên kết                                             |
| - Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex        | Bên liên quan với Chủ tịch/ thành viên HĐQT, cổ đông Công ty |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex | Cổ đông lớn Công ty                                          |
| - Ông Bé Công Sơn                              | Cổ đông lớn Công ty, Phó Tổng Giám đốc                       |

**Giao dịch với bên liên quan**

|                                         | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex | 6.110.725.991                                   | 6.226.043.788                                   |
| - Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình   | -                                               | 976.110.048                                     |
|                                         | <b>6.110.725.991</b>                            | <b>7.202.153.836</b>                            |

**Số dư với bên liên quan**

| <b>Phải thu bên liên quan</b>                  | <b>30/06/2026<br/>VND</b> | <b>01/01/2026<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| - Ông Bé Công Sơn                              | 2.295.265.451             | 2.295.265.451             |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex | 1.944.000.000             | 1.944.000.000             |
|                                                | <b>4.239.265.451</b>      | <b>4.239.265.451</b>      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Ngày 23/07/2026, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 983/QĐ-SGDVN về việc đưa chứng khoán của Công ty Cổ phần chứng khoán Hòa Bình vào diện kiểm soát.
- Ngày 06/08/2026, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-SGDHN về việc duy trì hạn chế giao dịch đối với chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình.

**23. VẤN ĐỀ KHÁC**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) số 01/2026/NQĐHĐCĐ-HBS ngày 12/6/2026: Đại hội đồng Cổ đông thông qua Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông thông qua kết quả bóc tách hành vi chuyển dịch dòng tiền giai đoạn từ năm 2021 đến ngày 30/6/2025 trên 23 tài khoản tổng (mở tại 04 Ngân hàng thương mại) cùng 747 tài khoản cá nhân phát sinh từ ngày 04/01/2021 đến ngày 30/06/2025 với tổng giá trị 10.408.899.634.421 đồng. Kết quả còn lại trên hệ thống hiện nay bao gồm 481 tài khoản cá nhân với 10.220.686 cổ phiếu thuộc 501 mã chứng khoán; giá trị danh mục theo giá thị trường tại ngày 11/6/2026 là khoảng 91,65 tỷ đồng. Cũng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 21/2025/BB-HBS ngày 28/10/2025: Hội đồng sáng lập và Hội đồng Quản trị Công ty yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục phong tỏa số dư chứng khoán cho đến khi có kết luận của Cơ quan bảo vệ pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển dịch chứng khoán và mua bán, giao dịch liên quan đến số lượng cổ phiếu này.

Tại ngày 30/6/2026, Công ty không còn số dư chứng khoán, không còn tiền của Nhà đầu tư, toàn bộ tiền gửi tại các tài khoản Ngân hàng đều là tiền thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, do danh mục chứng khoán nêu trên vẫn thuộc diện rà soát đặc biệt, đang bị phong tỏa và đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện lập hồ sơ, có văn bản báo cáo chính thức gửi Bộ Tài Chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với kết quả rà soát dòng tiền vào và dòng tiền ra chỉ ra trên 23 tài khoản tổng để có phương án xử lý phù hợp. Đến thời điểm lập Báo cáo này vẫn chưa có kết luận của các Cơ quan liên quan về việc xử lý các vấn đề nêu trên.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng các vấn đề nêu trên phát sinh từ các hành vi do một số cá nhân, lãnh đạo Công ty trước đây thực hiện và các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có), nên không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến 30/6/2026.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty đã được soát xét.

  
Đào Thu Thủy  
Người lập biểu

  
Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng

  
Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026